

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/4 /UBND-NL

V/v báo cáo giải trình nguyên nhân, trách nhiệm trong việc đề xuất điều chỉnh giảm vốn Các dự án bảo vệ và phát triển rừng.

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI

Số: 7389

DEN Ngày: 17/10/2023

Chuyển: Ngày 02/10/2023, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 2669/TTr-UBND trình
HĐND tỉnh khoá XII, kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) điều chỉnh kế hoạch đầu
tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương; trong đó có điều chỉnh giảm vốn
đã bố trí cho dự án Các dự án bảo vệ và phát triển rừng.

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh.

Ngày 02/10/2023, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 2669/TTr-UBND trình
HĐND tỉnh khoá XII, kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) điều chỉnh kế hoạch đầu
tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương; trong đó có điều chỉnh giảm vốn
đã bố trí cho dự án Các dự án bảo vệ và phát triển rừng.

Theo đề nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tại Báo cáo thẩm tra
số 346/BC-HĐND ngày 06/10/2023, của Thường trực HĐND tỉnh tại Thông báo
số 149/TB-HĐND ngày 10/10/2023; UBND tỉnh báo cáo giải trình các nội dung
liên quan đến nguyên nhân, trách nhiệm trong việc đề xuất điều chỉnh giảm vốn
Các dự án bảo vệ và phát triển rừng. Cụ thể như sau:

1. Thông tin chung của dự án

Dự án được phê duyệt chủ trương theo Nghị quyết số 314/NQ-HĐND ngày
25/02/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về chủ trương đầu tư Các dự án bảo vệ và phát
triển rừng; theo đó UBND tỉnh ban hành Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày
29/5/2021 phê duyệt dự án; Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 sửa đổi
điểm c, Điều 2 và các phụ lục 1, 2, 5 của Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày
29/5/2021 về việc phê duyệt dự án Các dự án bảo vệ và phát triển rừng.

Dự án được HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Nghị
quyết số 131/NQ-HĐND ngày 08/7/2022; UBND tỉnh ban hành Quyết định số
525/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 điều chỉnh Mục 4.2, Khoản 4, Điều 1 của Quyết
định số 496/QĐ-UBND ngày 21/5/2021.

Chủ đầu tư dự án: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Tình hình triển khai thực hiện và giải ngân vốn dự án

2.1 Tình hình triển khai thực hiện

*** Hạng mục hỗ trợ trồng rừng sản xuất**

- Thực hiện hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2021: 1.200 ha;
- + Thiết kế và hỗ trợ trong năm 2021: 1.200 ha;
- + Hỗ trợ chăm sóc năm 2022: 869,789 ha.

- Thực hiện thiết kế trồng rừng sản xuất năm 2022: 1.575,59 ha.

*** Hạng mục hỗ trợ chăm sóc rừng sản xuất đã trồng từ năm 2018 - 2020**

- Năm 2021 đã thực hiện hỗ trợ: 3.588,429 ha, trong đó:

+ Chăm sóc rừng trồng năm 2018: 1.702,212 ha

+ Chăm sóc rừng trồng năm 2019: 772,512 ha

+ Chăm sóc rừng trồng năm 2020: 1.113,705 ha

- Năm 2022 đã thực hiện hỗ trợ: 1.630,622 ha, trong đó:

+ Chăm sóc rừng trồng năm 2019: 692,762 ha

+ Chăm sóc rừng trồng năm 2020: 937,86 ha

- Diện tích trồng rừng năm 2018 đã hỗ trợ xong theo quy định của dự án và đang tiến hành nghiệm thu thành rừng theo quy định.

*** Hạng mục đường lâm sinh (đường lâm nghiệp):**

Hiện nay các nhà thầu đang triển khai thi công các tuyến đường lâm sinh (*đường lâm nghiệp*) theo tiến độ thực hiện của dự án.

2.2 Tình hình giải ngân kế hoạch vốn

- Năm 2021, tổng kinh phí thực hiện: 16.530.000.000 đồng. Kinh phí đã giải ngân là 8.582.122.500 đồng, đạt 52% kế hoạch vốn.

- Năm 2022, tổng kinh phí thực hiện: 50.047.877.500 đồng (Kế hoạch vốn năm 2022 là 42.100.000.000 đồng; Vốn chuyển nguồn 7.947.877.500 đồng);

Giải ngân vốn năm 2022 là 9.352.522.607 đồng (Kế hoạch vốn năm 2022 là 8.522.168.107 đồng; Vốn chuyển nguồn 358.379.500 đồng), đạt 19% kế hoạch.

- Năm 2023, tổng kinh phí thực hiện: 75.807.677.638 đồng (Kế hoạch vốn năm 2023 là 43.050.000.000 đồng; Vốn chuyển nguồn 32.757.677.638 đồng).

Giải ngân đến thời điểm báo cáo 12.140.373.385 đồng (Kế hoạch vốn năm 2023 là 7.634.526.639 đồng, vốn chuyển nguồn 4.505.846.746 đồng), đạt 16% kế hoạch.

3. Khó khăn, vướng mắc

3.1 Sự không thống nhất đồng bộ giữa kế hoạch trồng rừng hàng năm theo chỉ tiêu, kế hoạch và khả năng đăng ký của người dân, cụ thể:

- Đối với mục tiêu ban đầu của dự án trồng 11.000 ha rừng sản xuất: Khi tiến hành lập dự án, đơn vị tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đã đi khảo sát và làm việc với các địa phương thông qua Hạt Kiểm lâm các huyện, thị xã; các đơn vị chủ rừng và dựa trên diện tích Quy hoạch đất lâm nghiệp (đất trồng, chưa có rừng) để đưa vào thực hiện dự án.

- Khi triển khai dự án việc thực hiện hạng mục hỗ trợ trồng rừng sản xuất hàng năm dựa trên cơ sở nhu cầu đăng ký trồng rừng của các hộ dân trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Diện tích rừng trồng sản xuất của dự án đơn vị tư vấn thiết kế là kết quả vận động người dân trồng rừng của cả hệ thống chính trị (UBND

các xã, UBND huyện, các Hạt kiểm lâm...) nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 01/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra (mỗi năm trồng 8.000 ha rừng). Tuy nhiên, diện tích hàng năm người dân đăng ký trồng rừng không đạt theo kế hoạch phân bổ của dự án dẫn đến không đảm bảo mục tiêu dự án đã đề ra.

- Về mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất: Theo quy định tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì mức hỗ trợ cho người dân tham gia trồng rừng là 7,0 triệu đồng/ha. Trong các năm 2019, 2020 từ nguồn vốn của tỉnh đã hỗ trợ người dân trồng rừng theo mức này. Tuy nhiên, khi lập dự án Các dự án bảo vệ và phát triển rừng các cơ quan chức năng đã chưa cân nhắc kỹ nên cân đối hỗ trợ người dân với mức 2,55 triệu đồng/ha. Sự thay đổi mức hỗ trợ này đã ảnh hưởng đến kết quả tham gia trồng rừng của người dân.

3.2 Sự không phù hợp giữa thời gian thực hiện dự án đầu tư công và thời gian thực hiện trồng rừng (tính chất đặc thù của ngành Lâm nghiệp)

- Về thời gian thực hiện dự án: Theo quy định của Luật Đầu tư công, thời gian bố trí vốn không quá 04 năm đối với dự án nhóm B, tuy nhiên theo đặc thù của lâm sinh Theo khoản 24 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 Quy định về các biện pháp lâm sinh: “*Đối với cây sinh trưởng nhanh: Thời gian chăm sóc tối đa 03 năm tuổi (36 tháng); Đối với cây sinh trưởng chậm và rừng trồng ven biển: Thời gian chăm sóc tối đa 05 năm tuổi (60 tháng)*”. Đối với điều kiện để nghiệm thu dự án hoàn thành theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 10 theo Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh quy định “*Nghiệm thu hoàn thành: áp dụng đối với các công trình lâm sinh cần xác định được diện tích thành rừng để quản lý theo quy chế quản lý rừng quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp*”, do đó điều kiện để quyết toán dự án hoàn thành đối với hạng mục lâm sinh phải đủ thời gian để thành rừng (ít nhất là 36 tháng) nhưng theo Quyết định phê duyệt dự án thời gian thực hiện dự án đến năm 2024 nên một số hạng mục như trồng rừng sản xuất năm 2022, 2023 chưa đủ thời gian để thành rừng, điều này ảnh hưởng đến quyết toán dự án hoàn thành khi kết thúc dự án.

Đối với nội dung này, khi xây dựng dự án, dự kiến xác định thời gian trồng mới rừng sản xuất các năm 2022, 2023, khi triển khai thực hiện sẽ vướng, thời gian thực hiện không đảm bảo thời gian tối thiểu của một chu kỳ trồng rừng (thời gian chăm sóc rừng phải kéo dài đến năm 2026, nên không triển khai thực hiện được).

Cụ thể:

(1) Hạng mục hỗ trợ Trồng rừng sản xuất năm 2022 (4.800 ha) và năm 2023 (5.000 ha): Theo hồ sơ dự án được duyệt, thời gian thực hiện dự án 2021 - 2024 không đảm bảo để triển khai thực hiện hạng mục hỗ trợ Trồng rừng sản xuất năm 2022 và năm 2023.

Nguyên nhân cụ thể: (1) Thời gian thực hiện dự án đến năm 2024 chưa đủ thời gian để lập hồ sơ thiết kế, dự toán và nghiệm thu đánh giá thành rừng theo khoản 24 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 Quy định về các biện pháp lâm sinh: “*Đối với cây sinh trưởng nhanh: Thời gian chăm sóc tối đa 03 năm tuổi (36 tháng); Đối với cây sinh trưởng chậm và rừng trồng ven biển: Thời gian chăm sóc tối đa 05 năm tuổi (60 tháng)*”; do vậy, khi lập hồ sơ phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sẽ không đảm bảo thời gian thực hiện theo dự án. (2) Đối với điều kiện để nghiệm thu dự án hoàn thành theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 10 theo Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh quy định “*Nghiệm thu hoàn thành: áp dụng đối với các công trình lâm sinh cần xác định được diện tích thành rừng để quản lý theo quy chế quản lý rừng quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp*”, do đó để quyết toán dự án hoàn thành đối với hạng mục lâm sinh phải đủ thời gian để thành rừng (ít nhất là 36 tháng) nhưng theo Quyết định phê duyệt dự án thời gian thực hiện dự án đến năm 2024 nên một số hạng mục như trồng rừng sản xuất năm 2022, 2023 chưa đủ thời gian để thành rừng. Đồng thời theo điểm đ, khoản 1, Điều 7, Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước quy định “*Hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán gồm: Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng (bản chính), văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính)*”, trong đó hạng mục trồng rừng sản xuất năm 2022, 2023 đến khi quyết toán dự án (năm 2024) theo Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 29/5/2021 của UBND tỉnh chưa đủ điều kiện để nghiệm thu hoàn thành.

Đối với dự án trồng rừng theo quy định của điểm d khoản 1, Điều 66 Luật Đầu tư công năm 2019: “*d) Tổ chức nghiệm thu và thanh toán, quyết toán theo đúng hợp đồng đối với gói thầu đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng*”. Do đó, khi nghiệm thu thành rừng phải đạt theo diện tích đã hỗ trợ, nếu nghiệm thu không đạt sẽ rất khó thu hồi vốn đã thực hiện hỗ trợ cho người dân (đại đa số các hộ được hỗ trợ từ dự án là người đồng bào dân tộc thiểu số).

(2) Hạng mục Trồng rừng phòng hộ (850 ha):

+ **Đối với hạng mục Trồng rừng phòng hộ năm 2021 (150 ha):** Diện tích này nằm trong dự án, tuy nhiên do điều kiện khách quan, đến ngày 21/9/2021, UBND tỉnh mới có Quyết định giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2021 (đợt 3) (Quyết định số 630/QĐ-UBND), nếu thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và Luật Đầu thầu thì sẽ không kịp triển khai trồng rừng vì quá mùa vụ. Để triển khai kế hoạch trồng rừng đảm bảo theo đúng mùa vụ trồng rừng (các huyện phía Tây của tỉnh từ tháng 5 - 8) và chỉ tiêu kế hoạch giao, các Ban Quản lý rừng phòng hộ Ia Ly, Bắc Biển Hồ và Mang Yang đã chủ động trồng 150/150 ha (Ia Ly 80 ha; Bắc Biển Hồ 40 ha; Mang Yang 30 ha)

theo kế hoạch (*Thông báo số 30/TB-SNNPTNT ngày 05/3/2021 và Thông báo số 154/TB-SNNPTNT ngày 06/7/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*). Do đó, không sử dụng vốn đầu tư công của dự án năm 2021 để trồng rừng phòng hộ. Kinh phí này đã được cấp từ nguồn kinh phí Trồng rừng thay thế để thực hiện.

+ Đối với hạng mục Trồng rừng phòng hộ năm 2022 (700 ha): Năm 2022, sau khi có Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của UBND tỉnh (*Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 07/3/2022*), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức lựa chọn nhà thầu để triển khai Thiết kế trồng rừng phòng hộ theo kế hoạch được duyệt (*Quyết định số 630/QĐ-SNNPTNT ngày 22/6/2022*) và ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn (Trung tâm Lâm nghiệp nhiệt đới) để triển khai thực hiện. Sau khi có Quyết định phê duyệt Thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (trồng rừng phòng hộ) năm 2022 (*Quyết định số 837/QĐ-SNNPTNT ngày 07/10/2022*), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thi công (*Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 10/11/2022*) và tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu Trồng và chăm sóc rừng phòng hộ (*Quyết định số 995/QĐ-SNNPTNT-CĐT ngày 10/12/2022*). Quá trình triển khai thực hiện đúng theo quy định của Luật Đầu tư công; Luật Đầu thầu và các quy định có liên quan. Tuy nhiên, không thể triển khai được vì các nguyên nhân: (i) Quá trình triển khai các thủ tục theo quy định về thời gian xây dựng và phê duyệt hồ sơ kéo dài, khi lựa chọn được nhà thầu thì hết thời vụ trồng rừng; không đảm bảo theo khuyến cáo của Cục Lâm nghiệp; (ii) Tại thời điểm xem xét ký hợp đồng trồng rừng, thời tiết có mưa rải rác, nhưng lượng mưa không đủ để cây rừng phát triển bình thường, nguy cơ cây chết là rất cao; (iii) Thời gian thực hiện dự án đến năm 2024, tuy nhiên theo đặc thù đối với trồng rừng là 01 năm trồng 3 năm chăm sóc nên phê duyệt thiết kế dự toán phải đến năm 2025, không đảm bảo thời gian thực hiện theo dự án. Vì vậy năm 2022 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không triển khai được hạng mục Trồng rừng phòng hộ 700 ha theo kế hoạch.

(3) Hạng mục Hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng bền vững: Không thực hiện được.

Nguyên nhân: Đến thời điểm hiện tại các đơn vị chủ rừng được hỗ trợ cấp Chứng chỉ rừng bền vững theo Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 29/5/2021 và Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh không có nguồn kinh phí đăng ký vốn đối ứng để triển khai thực hiện dự án (*mức hỗ trợ của dự án là 300.000 đồng/ha*).

(4) Thời gian triển khai dự án

Thời gian thực hiện dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công là 4 năm, tuy nhiên đến ngày 29/5/2021 dự án mới được phê duyệt; ngày 21/9/2021 dự án mới được bố trí vốn thực hiện theo Quyết định số 630/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2021 (đợt 3). Thời gian còn lại để thực hiện dự án thực tế còn 3 năm 3 tháng nên một số hạng mục triển khai không đảm bảo theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

4. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc triển khai dự án và chậm trễ giải ngân trong năm 2023

- Đây là lần đầu tiên xây dựng dự án đầu tư công để thực hiện các công trình lâm sinh nên các cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh, đặc biệt là chủ đầu tư còn có những hạn chế, thiếu sót trong việc chưa lường trước được những khó khăn, vướng mắc khi triển khai dự án như: xác định đối tượng đất đưa vào thực hiện dự án, hình thức, thời gian đầu tư chưa phù hợp với tình hình thực tế.

Từ các sai sót, hạn chế nêu trên đã dẫn đến việc UBND tỉnh phải trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 131/NQ-HĐND phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Các dự án bảo vệ và phát triển rừng; UBND tỉnh ban hành các Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 sửa đổi điểm c, Điều 2 và các phụ lục 1, 2, 5 của Quyết định số 496/QĐ-UBND và Quyết định số 525/QĐ-UBND điều chỉnh Mục 4.2, khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh.

- Khi tham mưu xây dựng dự án, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa dự kiến được các vấn đề phát sinh như: Diện tích trồng rừng sản xuất hàng năm phụ thuộc vào nhu cầu đăng ký của người dân; các quy định về lĩnh vực lâm sinh và đầu tư công có sự chồng chéo, không thống nhất; các quy trình thủ tục khi thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan thì quá mùa vụ trồng rừng theo khuyến cáo của Cục Lâm nghiệp.

- Mặc dù mục tiêu xây dựng dự án nhằm hỗ trợ triển khai thực hiện mục tiêu trồng 40.000 ha rừng giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 01/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, nhưng do chưa lường trước được các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện dự án (trong đó bao gồm các hạng mục triển khai trong năm 2023), ảnh hưởng đến việc triển khai hạng mục và tiến độ giải ngân của dự án.

- Trách nhiệm chính trong việc xây dựng triển khai dự án này thuộc về chủ đầu tư (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), cơ quan thẩm định dự án (Sở Kế hoạch và Đầu tư).

- UBND tỉnh đã giao Thanh tra tỉnh tổ chức thanh tra chuyên đề về triển khai thực hiện dự án. Thanh tra tỉnh đã ban hành Kết luận số 10/KL-TTr ngày 23/6/2023, trong đó đề xuất UBND tỉnh xem xét trách nhiệm của lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị có liên quan trong quá trình tham mưu, đề xuất, triển khai thực hiện dự án đã để xảy ra hạn chế, thiếu sót. UBND tỉnh cũng đã giao Sở Nội vụ tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xử lý. Hiện nay, các đơn vị liên quan đang triển khai thực hiện.

5. Các giải pháp tập trung chỉ đạo công tác trồng rừng trong thời gian tới:

Để thực hiện đạt được mục tiêu theo Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 01/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai, trồng 40.000 ha rừng trong giai đoạn 2021-2025; UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan triển khai một số biện pháp như sau:

5.1. Trình cấp thẩm quyền điều chỉnh Dự án Các dự án bảo vệ và phát triển rừng để triển khai thực hiện theo hướng tăng mức hỗ trợ trồng sản xuất đảm

bảo theo quy định tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg (7 triệu đồng/ha) từ nguồn vốn kết dư và điều chỉnh của các hạng mục không thực hiện được của dự án để đảm bảo duy trì diện tích rừng sản xuất đã được hỗ trợ.

5.2. Điều chỉnh đưa ra khỏi dự án một số diện tích đối tượng không phù hợp để giải phóng nguồn lực, tạo quỹ đất để kêu gọi đầu tư. Xã hội hóa các nguồn lực, phối hợp với các sở, ngành và các địa phương kêu gọi các Doanh nghiệp đầu tư trồng rừng, chế biến gỗ liên kết với các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng để trồng rừng tại vùng nguyên liệu tập trung phục vụ cho chế biến. Huy động tối đa nguồn lực của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia trồng rừng, đảm bảo hoàn thành kế hoạch trồng rừng.

5.3. Tăng cường công tác tuyên truyền để nhân dân hiểu về vai trò, tác dụng, giá trị của rừng, ý nghĩa của việc trồng cây, trồng rừng, từ đó thay đổi suy nghĩ và hành động về công tác trồng rừng, bảo vệ rừng và trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị, cây xanh cảnh quan; hưởng ứng, tham gia tích cực Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh do Thủ tướng Chính phủ phát động; sử dụng có hiệu quả quỹ đất để trồng rừng, trồng cây phân tán, chuyển đổi cây trồng phù hợp với mục đích lâm nghiệp để nâng cao tỉ lệ che phủ rừng, góp phần giảm phát thải nhà kính, chống biến đổi khí hậu.

5.4. Đẩy nhanh việc giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư để đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chí được nhận hỗ trợ từ nguồn vốn của Tiểu dự án 1, Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 để thực hiện công tác trồng rừng.

5.5. Tăng cường để xuất các dự án hợp tác quốc tế, trồng rừng bán tín chỉ cacbon rừng.

5.6. Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị chủ rừng tiếp tục vận động tuyên truyền các hộ dân trồng rừng đảm bảo đúng kế hoạch giao.

5.7. Thí điểm việc trồng cây họ tre và phát triển ngành công nghiệp tre biền tinh trên diện tích quy hoạch cho lâm nghiệp người dân đang chiếm canh, trên diện tích trồng cao su kém phát triển, bị chết.

5.8. Tranh thủ nguồn kinh phí trồng rừng thay thế từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Trung ương để trồng rừng thay thế trên diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp của các Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn tỉnh. (*Năm 2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2276/KH-UBND ngày 23/8/2023 về Kế hoạch trồng rừng thay thế năm 2023 với diện tích dự kiến là 526,78 ha; ban hành Văn bản số 2250/UBND-NL ngày 19/8/2023 gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đăng ký tiếp nhận kinh phí trồng rừng thay thế với tổng kinh phí dự kiến là 44,6 tỷ đồng*). Các năm 2024, 2025 và các năm tiếp theo dự kiến tiếp tục để xuất mỗi năm kinh phí 50 tỷ đồng cho trồng rừng thay thế.

5.9. Chỉ đạo các Công ty lâm nghiệp rà soát dành quỹ đất để trồng rừng sản xuất; rà soát quỹ đất của các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Đất DT1; DT2), kê cả diện tích người dân chiếm để lập, phê duyệt các dự án trồng rừng

thay thế do chủ đầu tư thực hiện theo quy định, kết hợp giải quyết vấn đề sinh kế cho người dân chiếm canh từ trồng rừng (*diện tích 136.636,69 ha theo quy hoạch 3 loại rừng*). Nguồn lực từ các doanh nghiệp, vốn điều lệ và từ nguồn lực trồng rừng thay thế.

5.10. Đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan tham mưu cơ chế, chính sách sử dụng nguồn vốn sự nghiệp và phân cấp, giao nhiệm vụ, kinh phí cho cấp huyện để đầu tư trồng rừng, đồng thời đề xuất Trung ương tăng kinh phí hỗ trợ trồng rừng nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào công tác trồng rừng.

5.11. Tăng cường chỉ đạo trồng rừng tại các huyện, các đơn vị chủ rừng phía Đông, Đông Nam của tỉnh; Rà soát, kiểm tra tiếp tục chỉ đạo công tác trồng rừng tại 17 huyện, thị xã, thành phố.

6. Cam kết chỉ đạo thực hiện trồng đạt 8.000 ha rừng trong năm 2023 và đạt 40.000 ha rừng trong giai đoạn 2021-2025:

Ủy ban nhân dân tỉnh cam kết chỉ đạo Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương, đơn vị liên quan triển khai các biện pháp quyết liệt để đảm bảo thực hiện đạt kế hoạch trồng rừng năm 2023 là 8.000 ha và kế hoạch trồng 40.000 ha rừng giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là báo cáo giải trình nguyên nhân, trách nhiệm trong việc đề xuất điều chỉnh giảm vốn và các giải pháp để thực hiện trồng rừng Các dự án Bảo vệ và Phát triển rừng của UBND tỉnh Gia Lai. UBND tỉnh kính trình Thường ực HĐND tỉnh./.

Noi nhận: Hà.

- Như trên;
- Ban Kinh tế-Ngân sách HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN& PTNT, KH&ĐT, TC.
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Mah Tiệp